

# **Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 8
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	9
Báo cáo của Ban Đại diện quỹ	10
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 12
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	13
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	14
Báo cáo tài sản giữa niên độ	15
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ	16
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	17
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	18 - 28

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng TVAM ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 21/GCN-UBCK cấp ngày 20 tháng 5 năm 2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo quy định trên Giấy chứng nhận, Quỹ được phép phát hành 15.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là năm (5) năm.

Theo Quyết định 489/QĐ-SGDHCM, chứng chỉ quỹ Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng TVAM được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán FUCTVGF1 và chính thức giao dịch từ ngày 22 tháng 12 năm 2016.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV"): hàng tuần.

Quỹ hướng đến mục tiêu gia tăng giá trị tài sản bằng cách đầu tư cổ phần vào các doanh nghiệp có liên quan đến thị trường Việt Nam, bao gồm các công ty trong nước và ngoài nước hoạt động tại Việt Nam và có doanh thu tại thị trường Việt Nam. Cụ thể, Quỹ dự định đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam, cũng như cổ phiếu chưa niêm yết và phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình ở mức rủi ro có thể chấp nhận được.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty Quản lý Quỹ"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ ban đầu số 15/UBCK-GPHDKD ngày 28 tháng 12 năm 2006. Giấy phép hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015.

Công ty Quản lý Quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là bà Nguyễn Thanh Thảo, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2015.

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành ("Ngân hàng Giám sát") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát cho Quỹ. Ngân hàng được thành lập theo Giấy CNĐKHĐ-CN số 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2003, thay đổi lần thứ 10 ngày 20 tháng 5 năm 2015 và Giấy chứng nhận Chi nhánh thành viên lưu ký số 19/GCNTVLK-CN-3 do Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 30 tháng 12 năm 2014.

Ngân hàng Giám sát được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật Việt Nam để thực hiện các nghiệp vụ như: (i) giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện; (ii) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ; và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng lưu ký.

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016
Bà Đinh Thị Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016
Bà Lại Hải Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Anh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018
Bà Lê Thanh Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Tháp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

#### 1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng TVAM ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 21/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 5 năm 2016. Theo quy định trên Giấy chứng nhận, Quỹ được phép phát hành 15.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là năm (5) năm.

Theo Quyết định 489/QĐ-SGDHCM, chứng chỉ quỹ Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng TVAM được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán FUCTVGF1 và chính thức giao dịch từ ngày 22 tháng 12 năm 2016.

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng cách đầu tư cổ phần vào các doanh nghiệp có liên quan đến thị trường Việt Nam, bao gồm các công ty trong nước và ngoài nước hoạt động tại Việt Nam. Cụ thể, Quỹ dự định đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và sắp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, cũng như cổ phiếu chưa niêm yết và phần vốn góp tại các công ty tư nhân. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình ở mức rủi ro có thể chấp nhận được.

#### 2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ và thay đổi giá trị danh mục đầu tư của Quỹ lần lượt là -8,59% và -14,56% so với tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### 3. Chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư

##### 3.1 Chiến lược đầu tư của Quỹ

Đầu tư vào những doanh nghiệp có cơ hội tăng trưởng cao: Quỹ tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có khả năng mở rộng thị phần, thị trường rộng lớn, luôn tìm kiếm cơ hội để phát triển thêm những sản phẩm và dịch vụ mới nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao.

Tìm kiếm những công ty có lợi thế cạnh tranh dài hạn: Lợi thế cạnh tranh là yếu tố quyết định khả năng công ty tồn tại trong môi trường chung khó khăn và phát triển mạnh khi nền kinh tế phục hồi. Doanh nghiệp có thể tổ chức hoạt động với chi phí thấp, có sản phẩm mang thương hiệu mạnh luôn là doanh nghiệp chiếm ưu thế trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.

Tập trung vào công ty với đội ngũ lãnh đạo nhiều kinh nghiệm và minh bạch: Tố chất của ban lãnh đạo là yếu tố quan trọng hàng đầu khi lựa chọn đầu tư vào doanh nghiệp niêm yết. Kinh nghiệm dày dặn trong kinh doanh, rõ ràng trong công tác tổ chức và điều hành và công bố thông tin rõ ràng đóng góp nhiều vào sự tăng trưởng lợi nhuận và thu hút đầu tư.

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM sẽ đầu tư vào các tài sản quỹ được phép đầu tư với cơ cấu danh mục chính là chứng khoán. Tỷ trọng từng loại tài sản trong danh mục sẽ tùy thuộc vào diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán từng thời kì.

Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Các lĩnh vực đầu tư cụ thể: Quỹ sẽ tìm cách phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng, tập trung vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng cao hoặc trong lĩnh vực có tính phòng thủ.

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

### 3. Chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư (tiếp theo)

#### 3.1 Chiến lược đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

Quỹ được phép đầu tư vào các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

- a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán của Việt Nam;
- e) Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- g) Chứng khoán phái sinh và các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ tài chính.

Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a và điểm b mục 3.1 Báo cáo này tại các ngân hàng thương mại đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

#### 3.2 Hạn chế đầu tư

1. Vốn và tài sản của quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:
  - a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ Trái phiếu Chính phủ;
  - b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các loại chứng khoán và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b mục 3.1 Báo cáo này được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ Trái phiếu Chính phủ;
  - c) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và g mục 3.1 Báo cáo này mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
  - d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào bất động sản và các tài sản tài chính quy định tại điểm e mục 3.1 Báo cáo này;
  - e) Không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a mục 3.1 Báo cáo này; không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
  - g) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam.
2. Công ty Quản lý Quỹ không được vay để tài trợ cho hoạt động của quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

### 3. Chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư (tiếp theo)

#### 3.2 Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

3. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, g khoản 1 Mục này, cơ cấu đầu tư của quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 1 Mục này và chỉ do các nguyên nhân sau:
  - a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
  - b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
  - c) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua cổ phiếu quỹ, chào mua công khai chứng khoán của các tổ chức phát hành;
  - d) Quỹ mới được đăng ký thành lập hoặc tăng vốn hoặc tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ, mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực;
  - e) Quỹ đang trong thời gian thanh lý tài sản để giải thể.
4. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại khoản 3 Mục này, Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Mục này.
5. Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày pháp hiện sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
6. Khi thực hiện các giao dịch mua, bán tài sản cho quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định sau:
  - a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán, các giao dịch phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán;
  - b) Đối với các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, hoặc trong các giao dịch thỏa thuận, Công ty Quản lý Quỹ phải lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến thực hiện, thời điểm giao dịch, đối tác, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch.

## 4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ đóng theo quy định của Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 về việc ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán ("Quyết định 63").

## 5. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 21/GCN-UBCK ngày 20 tháng 5 năm 2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là năm (5) năm.

## 6. Quy mô Quỹ

Quỹ được phép phát hành 15.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

### 7. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Lợi tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện là số dương. Lợi tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật.

## II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

### 1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

Cơ cấu tài sản của Quỹ	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (%)	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (%)
Danh mục chứng khoán	84,48	77,22
Tiền	15,51	21,89
Tài sản khác	0,01	0,89
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

### 2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động trong kỳ

STT	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	188.322.104.764	207.001.303.700
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
3	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị CCQ	12.555	13.800
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	15.096	13.800
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	12.555	10.238
6	Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	12.600	11.300
7	Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	13.950	13.800
8	Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	10.200	9.500
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-8,59	37,56
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	-27,10	20,41
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	18,51	17,15
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	N.A	N.A
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	N.A	N.A
12	Ngày chốt quyền	N.A	N.A
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	7,66	1,53
14	Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,58	0,95

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

### 3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	-9,02	-9,02
Từ khi thành lập	25,55	11,37

### 4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-9,02	36,89

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Cuối tháng 6 năm 2018, VN-Index đạt mức 960,78 điểm giảm 2,4% trong khi HN-Index đóng cửa ở mức 106,17, giảm 9,1% so với cuối năm 2017. Giá trị giao dịch của cả hai sàn nửa đầu năm 2018 đạt 897.000 tỷ VND, tăng 64% so với cùng kỳ năm 2017. VN-Index cuối quý 2 năm 2018 đóng cửa tại mức P/E trượt 17 và P/B trượt 2,5.

Trong 6 tháng đầu năm, khối ngoại đã mua vào hơn 34 nghìn tỷ đồng trên sàn HoSE, lập kỷ lục mới trên TTCK Việt Nam. Cụ thể, trên sàn HoSE, khối ngoại mua vào 164 nghìn tỷ đồng và bán ra 130 nghìn tỷ đồng. Đáng chú ý, giá trị mua vào của khối ngoại trong 6 tháng đầu năm nay tập trung chủ yếu ở các giao dịch thỏa thuận lớn các mã mới lên sàn như VHM, YEG, HDB... Nếu chỉ tính giao dịch khớp lệnh trên sàn HoSE, khối ngoại đã bán ròng gần 9.000 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm, tập trung mạnh ở quý 2 do hiệu ứng rút vốn khỏi thị trường mới nổi của các quỹ ngoại sau khi FED nâng mức dự báo số lần tăng lãi suất trong năm 2018 và xuất hiện thêm các yếu tố rủi ro khác như chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, lo ngại về tính thống nhất của EU.

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Một năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	28,53	62,44
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	-30,32	-26,89
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	-1,79	35,55
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	-9,02	25,55
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N.A	N.A
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	12,87	24,75

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ (tiếp theo)

### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Thay đổi giá trị tài sản ròng.

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	188.322.104.764	207.001.303.700	-9,02
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.555	13.800	-9,02

### 2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	82	45.940	0,30
Từ 5.000 - 10.000	7	69.220	0,46
Từ 10.000 đến 50.000	4	139.270	0,93
Từ 50.000 đến 500.000	11	2.138.670	14,26
Trên 500.000	7	12.606.900	84,05
<b>Tổng cộng</b>	<b>111</b>	<b>15.000.000</b>	<b>100,00</b>

## V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Kinh tế vĩ mô dự kiến tiếp tục khả quan trong nửa cuối năm 2018. GDP kỳ vọng đạt mức tăng trưởng 6,8%, so với mức tăng 6,7% trong năm 2017. Một số nhân tố tác động tích cực đối với tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm là: (i) giá dầu đang trong xu hướng tăng; (ii) dòng vốn đầu tư nước ngoài FDI có thể sẽ quan tâm nhiều hơn đến Việt Nam trong bối cảnh Trung Quốc gặp căng thẳng thương mại với Mỹ và Hiệp định thương mại Việt Nam – EU đã hoàn tất. Ở chiều ngược lại, một số khó khăn trong 6 tháng cuối năm có thể xuất phát từ: (i) sự bất định của thị trường tài chính thế giới và dòng vốn đầu tư nước ngoài do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, tiến trình tăng lãi suất dự kiến của FED; (ii) suy giảm kinh tế ở một số thị trường lớn (trong đó có Trung Quốc); và (iii) giải ngân vốn đầu tư công còn chậm.

Thị trường chứng khoán năm 2018 đã đi được một nửa chặng đường và Chính phủ tiếp tục thực hiện các chính sách thúc đẩy thị trường chứng khoán như đẩy mạnh cổ phần hóa, phát triển các sản phẩm phái sinh, theo đuổi mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên sang thị trường mới nổi.

Đánh giá về diễn biến TTCK trong 6 tháng cuối năm, về mặt tích cực, chúng tôi cho rằng việc các chỉ số vĩ mô vẫn trong tầm kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp trên sàn duy trì ổn định là những yếu tố nền tảng cơ bản hỗ trợ mạnh mẽ cho diễn biến thị trường. Mặc dù vậy, TTCK Việt Nam trong 6 tháng cuối năm cũng đối diện nhiều yếu tố mang tính rủi ro khó định lượng. Rủi ro trong nước đến từ diễn biến khó lường của lạm phát và biến động của đồng USD, nhân dân tệ, hệ quả có thể khiến chính sách tiền tệ của NHNN đi theo hướng thận trọng và ảnh hưởng đến dòng tiền trên TTCK. Rủi ro bên ngoài có thể đến từ việc FED tăng lãi suất, lo ngại chiến tranh thương mại và xu hướng rút vốn khỏi các thị trường mới nổi. Trong trường hợp chiến tranh thương mại không xảy ra, tỷ giá và lạm phát ổn định trở lại, thị trường có thể quay trở lại xu hướng tăng điểm trong 6 tháng cuối năm với VNIndex đạt mức 1000 điểm vào thời điểm cuối năm.

# Quý Đầu tư Tăng trưởng TVAM

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quý Đầu tư Tăng trưởng TVAM cho kỳ báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong kỳ báo cáo tài chính giữa niên độ, Quý Đầu tư Tăng trưởng TVAM đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt, Ngân hàng giám sát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Thành đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ đóng, Bản cáo bạch của Quý và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, xác định giá trị tài sản ròng của Quý Đầu tư Tăng trưởng TVAM đã phù hợp với Điều lệ Quý, Bản cáo bạch của Quý và các văn bản pháp luật liên quan.

Quý Đầu tư Tăng trưởng TVAM được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 21/GCN-UBCK ngày 20/05/2016. Trong kỳ báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Quý chưa thực hiện phân phối lợi tức cho nhà đầu tư.



**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

Ông Dương Thanh Dũng  
Chức vụ Phó Giám đốc Phòng GD&DVCK

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập và trình bày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình tài sản và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình tài sản và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Văn Ngọc  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 61343540/20392078-SX-TVGF

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TAVM ("Quỹ") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 13 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo tài sản giữa niên độ và báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát của Quỹ***

Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cũng được xác nhận bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với tư cách Ngân hàng Giám sát của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM là phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, được quy định rõ tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ Lưu ký và Giám sát cho Quỹ ký ngày 8 tháng 6 năm 2016 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình tài sản và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ đầu tư chứng khoán.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thuỳ Dương  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B01a-QĐT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
	<b>A. TÀI SẢN</b>			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	4	29.471.976.700	68.442.929.602
120	2. Đầu tư chứng khoán	5	160.493.009.100	152.736.258.000
130	3. Phải thu hoạt động đầu tư	6	10.424.657	12.732.500
<b>200</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>189.975.410.457</b>	<b>221.191.920.102</b>
	<b>B. NGUỒN VỐN</b>			
	<b>I. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.653.305.693</b>	<b>15.186.850.348</b>
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	7	560.000.000	2.167.585.500
312	2. Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư		2.565.000	147.915.000
315	3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	8	1.055.828.557	12.803.492.511
318	4. Phải trả khác	9	34.912.136	67.857.337
	<b>II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>188.322.104.764</b>	<b>206.005.069.754</b>
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư	10	150.000.000.000	150.000.000.000
411	1.1 Vốn góp		150.000.000.000	150.000.000.000
420	2. Kết quả hoạt động chưa phân phối		38.322.104.764	56.005.069.754
<b>430</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>189.975.410.457</b>	<b>221.191.920.102</b>

## CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
1	Chứng khoán theo mệnh giá		100.000.060.000	68.200.060.000

  
Bà Vương Thị Thủy Loan  
Người lập

  
Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



  
Ông Trần Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B02a-QĐT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
	<b>A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN</b>			
10	<b>I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện</b>		<b>39.749.743.287</b>	<b>27.100.499.075</b>
11	1. Cổ tức được nhận		1.846.006.000	3.265.000.000
13	2. Lãi tiền gửi		914.638.530	353.513.230
14	3. Lãi từ kinh doanh chứng khoán		36.989.098.757	23.481.985.845
30	<b>II. Chi phí</b>		<b>(1.614.799.320)</b>	<b>(1.295.544.444)</b>
31	1. Phí quản lý quỹ	13.1	(1.046.244.452)	(844.607.522)
32	2. Phí giám sát, lưu ký tài sản Quỹ	13.2	(132.668.089)	(105.904.945)
34	3. Chi phí kiểm toán		(30.000.000)	(30.000.000)
38	4. Phí và chi phí khác		(405.886.779)	(315.031.977)
50	<b>III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong kỳ</b>		<b>38.134.943.967</b>	<b>25.804.954.631</b>
	<b>B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯA THỰC HIỆN</b>			
60	<b>I. Thu nhập</b>			
61	1. Thu nhập do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	5	(19.372.137.989)	23.024.605.733
70	<b>II. Chi phí</b>			
71	1. Chênh lệch lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	5	(36.445.770.968)	7.687.766.722
80	<b>III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện trong kỳ</b>		<b>(55.817.908.957)</b>	<b>30.712.372.455</b>
90	<b>(Lỗ)/Lãi thuần trong kỳ</b>		<b>(17.682.964.990)</b>	<b>56.517.327.086</b>

  
Bà Vương Thị Thúy Loan  
Người lập

  
Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

BÁO CÁO TÀI SẢN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B05a-QĐT

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
1	Tiền	29.471.976.700	68.442.929.602
2	Các khoản đầu tư	160.493.009.100	152.736.258.000
2.1	Cổ phiếu	160.493.009.100	152.736.258.000
2.1.1	Cổ phiếu niêm yết	160.493.009.100	152.736.258.000
3	Lãi phải thu tiền gửi	10.424.657	12.732.500
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>189.975.410.457</b>	<b>221.191.920.102</b>
4	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ	1.046.244.452	12.791.902.386
5	Phải trả cho Ngân hàng Giám sát	9.584.105	11.590.125
6	Phải trả mua chứng khoán	560.000.000	2.167.585.500
6.1	Phải trả mua cổ phiếu niêm yết	560.000.000	2.167.585.500
7	Các khoản phải trả khác	37.477.136	215.772.337
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.653.305.693</b>	<b>15.186.850.348</b>
	<b>TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ</b>	<b>188.322.104.764</b>	<b>206.005.069.754</b>
8	Tổng số đơn vị quỹ	15.000.000	15.000.000
9	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ (VND/đơn vị quỹ)	12.555	13.734

  
Bà Vương Thị Thúy Loan  
Người lập

  
Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



  
Ông Trần Vĩnh Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

B06a-QĐT

Mã số	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	206.005.069.754	150.483.976.614
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ <i>Trong đó:</i>  <i>Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ</i>	(17.682.964.990)  (17.682.964.990)	56.517.327.086  56.517.327.086
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	188.322.104.764	207.001.303.700

*don*

*lll*



Bà Vương Thị Thúy Loan  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng

Ông Trần Vĩnh Quang  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

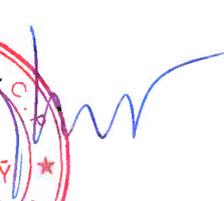
BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

B07a-QĐT

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (%)
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			<b>160.493.009.100</b>	<b>84,48</b>
1	TCM	1.450.000	19.800	28.710.000.000	15,11
2	BSR	1.520.000	17.590	26.736.800.000	14,08
3	VSC	700.006	34.850	24.395.209.100	12,84
4	KBC	2.000.000	11.950	23.900.000.000	12,58
5	LPB	1.500.000	11.210	16.815.000.000	8,85
6	FPT	300.000	41.500	12.450.000.000	6,55
7	MBB	330.000	26.200	8.646.000.000	4,55
8	DCM	800.000	10.550	8.440.000.000	4,44
9	CEO	400.000	13.200	5.280.000.000	2,78
10	PXS	1.000.000	5.120	5.120.000.000	2,70
<b>II</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>10.424.657</b>	<b>0,01</b>
1	Phải thu lãi tiền gửi			10.424.657	0,01
<b>III</b>	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng</b>			<b>29.471.976.700</b>	<b>15,51</b>
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành			14.471.976.700	7,62
2	Ngân hàng TMCP Bảo Việt			10.000.000.000	5,26
3	Ngân hàng TMCP Á Châu - chi nhánh Vĩnh Phúc			5.000.000.000	2,63
<b>IV</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC</b>			<b>189.975.410.457</b>	<b>100,00</b>

  
Bà Vương Thị Thủy Loan  
Người lập

  
Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng

  
Ông Trần Văn Quang  
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B04a-QĐT

## 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng TVAM ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 21/GCN-UBCK cấp ngày 20 tháng 5 năm 2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo quy định trên Giấy chứng nhận, Quỹ được phép phát hành 15.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là năm (5) năm.

Theo Quyết định 489/QĐ-SGDHCM, chứng chỉ quỹ Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng TVAM được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán FUCTVGF1 và chính thức giao dịch từ ngày 22 tháng 12 năm 2016.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ ban đầu số 15/UBCK-GPHDKD ngày 28 tháng 12 năm 2006. Giấy phép hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành ("Ngân hàng") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát cho Quỹ. Ngân hàng được thành lập theo Giấy CNĐKKHĐ-CN số 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2003, thay đổi lần thứ 10 ngày 20 tháng 5 năm 2016 và Giấy chứng nhận Chi nhánh thành viên lưu ký số 10/GCNTVLK-CN-3 do Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 30 tháng 12 năm 2014.

Quỹ hướng đến mục tiêu gia tăng giá trị tài sản bằng cách đầu tư cổ phần vào các doanh nghiệp có liên quan đến thị trường Việt Nam, bao gồm các công ty trong nước và ngoài nước hoạt động tại Việt Nam và có doanh thu tại thị trường Việt Nam. Cụ thể, Quỹ dự định đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam, cũng như cổ phiếu chưa niêm yết và phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình ở mức rủi ro có thể chấp nhận được.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 về việc ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán ("Quyết định 63") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ đầu tư chứng khoán.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh số 3.1*).

Theo Quyết định 63, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B04a-QĐT

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### 2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, tình hình tài sản, danh mục đầu tư và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết. Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Các khoản đầu tư được đánh giá lại hàng tuần và hàng tháng theo giá trị hợp lý và khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ đánh giá lại khoản đầu tư được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động theo quy định tại Quyết định 63.

Phương pháp đánh giá lại khoản đầu tư được áp dụng theo sổ tay định giá được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, phù hợp với Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên. Cụ thể như sau:

- ▶ Các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá, trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
  - Giá trị sổ sách, hoặc
  - Giá mua; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
- ▶ Các khoản đầu tư vào cổ phiếu có giao dịch trên thị trường không chính thức được đánh giá theo giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:
  - Giá trung bình từ hai (2) tổ chức báo giá; hoặc
  - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày định giá;
  - Giá trị sổ sách;
  - Giá mua;
  - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B04a-QĐT

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.1 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Các khoản đầu tư vào cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được đánh giá theo một trong các mức giá sau:
  - Giá trị sổ sách, hoặc
  - Mệnh giá, hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
- ▶ Các khoản đầu tư vào cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản được định giá bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá hoặc giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận;
- ▶ Các khoản đầu tư vào cổ phần, phần góp vốn khác được đánh giá theo giá mua/giá trị góp vốn hoặc giá trị sổ sách hoặc giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

#### *Phân loại*

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

#### *Ghi nhận*

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư mua bán chứng khoán vào ngày Quỹ thực hiện các giao dịch này.

#### *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

### 3.2 Vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư.

### 3.3 Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên bảng cân đối kế toán cho số đơn vị quỹ đã phát hành tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ tổng nợ phải trả.

### 3.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

### 3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cổ tức và phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc ban đầu.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B04a-QĐT

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.5 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

### 3.7 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau: Phí quản lý quỹ, phí giám sát, phí lưu ký xử lý hồ sơ, phí giao dịch chứng khoán.

Các khoản chi phí được hạch toán vào kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc đầu tư mà đã được hạch toán vào giá mua các khoản đầu tư đó. Các khoản chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được trừ vào tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư.

### 3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

#### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### 3.9 Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá vốn bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị thị trường và phản ánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B04a-QĐT

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quý có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia khi trả cổ tức cho nhà đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ luôn tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo đúng quy định hiện hành. Theo đó, khi Quý trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước). Đồng thời, khi Quý trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

### 3.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là có liên quan bao gồm các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quý hoặc chịu sự kiểm soát của Quý, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quý. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quý mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quý, những nhân viên quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quý, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

### 3.12 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63 được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### 3.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63 không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## 4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Tiền gửi không kỳ hạn	4.471.976.700	4.342.929.602
Tiền gửi có kỳ hạn	25.000.000.000	64.100.000.000
	<b>29.471.976.700</b>	<b>68.442.929.602</b>

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi tại các ngân hàng tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,30%	0,30%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4,10% - 7,10%	5,10% - 5,50%

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B04a-QĐT

## 5. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Tất cả các công ty được đầu tư như trên Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở *Thuyết minh 3.1*, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

	<i>Giá mua VND</i>	<i>Lãi do đánh giá lại VND</i>	<i>Lỗ do đánh giá lại VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>				
Cổ phiếu niêm yết	<u>200.829.207.573</u>	<u>1.804.558.032</u>	<u>(42.140.756.505)</u>	<u>160.493.009.100</u>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>				
Cổ phiếu niêm yết	<u>137.254.547.516</u>	<u>21.176.696.021</u>	<u>(5.694.985.537)</u>	<u>152.736.258.000</u>
<b>Chênh lệch do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán</b>		<u><b>(19.372.137.989)</b></u>	<u><b>(36.445.770.968)</b></u>	

## 6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>
Phải thu lãi tiền gửi	<u><b>10.424.657</b></u>	<u><b>12.732.500</b></u>

## 7. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Đây là khoản phải trả mua chứng khoán thanh toán bù trừ T+2.

## 8. PHẢI TRẢ CHO CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>
Phí quản lý Quỹ	1.046.244.452	12.791.902.386
Phí lưu ký, giám sát	9.584.105	11.590.125
	<u><b>1.055.828.557</b></u>	<u><b>12.803.492.511</b></u>

## Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B04a-QĐT

### 9. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Chi phí phải trả dịch vụ chuyên môn	30.000.000	50.000.000
Phí lưu ký trả cho Trung tâm lưu ký (VSD)	4.072.136	2.788.958
Phí giao dịch	840.000	3.251.379
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.000.000
Phí giao dịch mua, bán chứng khoán	-	5.817.000
	<b>34.912.136</b>	<b>67.857.337</b>

### 10. VỐN GÓP CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Vốn góp của các nhà đầu tư	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng ngày 20 tháng 5 năm 2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Quỹ được phép phát hành 15.000.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tất cả các đơn vị quỹ đều có quyền như nhau, bao gồm quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn trả vốn góp và các quyền khác. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp đủ vốn được quyền hưởng cổ tức khi Công ty Quản lý Quỹ công bố và tương ứng một quyền biểu quyết.

### 11. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### 11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B04a-QĐT

## 11. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 11.1 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Quý. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Quý quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Quý cũng là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có.

#### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các cổ phiếu niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quý quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

### 11.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quý theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quý (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

### 11.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B04a-QĐT

## 12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

	<u>Giá trị ghi sổ VND</u>	<u>Giá trị hợp lý VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh		
Cổ phiếu niêm yết	160.493.009.100	160.493.009.100
Các khoản phải thu		
Phải thu lãi tiền gửi	10.424.657	10.424.657
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.471.976.700	29.471.976.700
	<b><u>189.975.410.457</u></b>	<b><u>189.975.410.457</u></b>
<b>Nợ tài chính phải trả</b>		
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	1.055.828.557	1.055.828.557
Phải trả mua chứng khoán	560.000.000	560.000.000
Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư	2.565.000	2.565.000
Phải trả khác	34.912.136	34.912.136
	<b><u>1.653.305.693</u></b>	<b><u>1.653.305.693</u></b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, phải thu lãi tiền gửi, phải trả cho hoạt động đầu tư, phải trả cho các bên có liên quan và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất.
- ▶ Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết được đánh giá theo giá mua.

## 13. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

### 13.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

#### *i) Công ty Quản lý Quỹ*

Theo Điều lệ Quỹ, phí quản lý quỹ là 1%/năm và được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của Danh mục (NAV) tại thời điểm đầu mỗi tháng. Phí quản lý Quỹ phát sinh trong kỳ là 1.046.244.452 đồng.

#### *ii) Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ*

Không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Không có bất kỳ khoản chi phí phụ cấp nào cho Ban Đại diện Quỹ phát sinh trong kỳ kế toán giữa niên độ.

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B04a-QĐT

## 13. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

### 13.2 Các hợp đồng then chốt khác

#### Ngân hàng Giám sát

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành làm Ngân hàng Giám sát. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giám sát hàng năm bằng 0,01% giá trị tài sản ròng, phí lưu ký cố định hàng năm bằng 0,05% giá trị tài sản ròng và phí lưu ký xử lý hồ sơ.

Giao dịch lớn với Ngân hàng Giám sát trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>
Lãi tiền gửi	128.325.826	187.935.048
Phí giám sát, lưu ký tài sản Quỹ	132.668.089	105.904.945

Các khoản phải thu/(phải trả) với Ngân hàng Giám sát tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>
Tiền gửi thanh toán	4.471.976.700	4.342.929.602
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	9.100.000.000
Lãi tiền gửi phải thu	7.095.890	940.834
Phí phải trả	(9.584.105)	(11.590.125)

# Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B04a-QĐT

## 14. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày như sau:

<b>I. Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư</b>		
1.	Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	84,48%
2.	Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	84,48%
3.	Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	84,48%
4.	Tỷ lệ các loại cổ phiếu chưa niêm yết/Tổng giá trị tài sản	0,00%
5.	Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng giá trị tài sản	0,00%
6.	Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng giá trị tài sản	0,00%
7.	Tỷ lệ tiền mặt/Tổng giá trị tài sản	15,51%
8.	Tỷ lệ thu nhập/Tổng giá trị tài sản	10,17%
9.	Tỷ lệ chi phí/Tổng giá trị tài sản	19,00%
<b>II. Các chỉ số thị trường</b>		
1.	Tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành (đơn vị quỹ)	15.000.000
2.	Tỷ lệ nắm giữ đơn vị quỹ của Công ty Quản lý Quỹ Thiên Việt/Tổng số đơn vị quỹ	16,00%
3.	Giá trị đơn vị quỹ (VND)	12.555

## 15. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.

  
Bà Vương Thị Thúy Loan  
Người lập

  
Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng

  
Ông Trần Vinh Quang  
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018